

MIỀN HOA

VĂN TẬP

THÁNG TÁM ĐINH - DẬU

NĂM THỨ BA SỔ

8



AN TRUYỀN-BÁ PHẬT-PHÁP CỦA GIÁO-HỘI TĂNG-GIÀ TRUNG-PH

LIÊN - HOA

V Ầ N T Ậ P

M Ụ C L Ụ C S ố 8

R Ầ M T H Ắ N G 8 Đ I N H - Đ Ậ U

| | |
|--|----------------------------|
| CHÁNH HẠNH | <i>DISCOVERY OF INDIA</i> |
| PHẬT GIÁO VỚI PHONG TRÀO... | <i>THÍCH THIÊN-CHÂU</i> |
| CUỘC THẢO LUẬN... | <i>BÁC-SĨ AN-LA-CHI</i> |
| ĐẠO PHẬT VỚI PHỤ NỮ | <i>THÍCH NỮ DIỆU-KHÔNG</i> |
| VUA A-DỤC VỚI... (<i>Mẫu chuyện đạo</i>) | <i>P. PHÁP</i> |
| TU KHỒ HẠNH | <i>THÍCH MINH-CHÂU</i> |
| NHỮNG TIẾNG CHUÔNG (<i>thơ</i>) | <i>NGUYỄN-THÁI</i> |
| NHỮNG ĐÊM TRĂNG | <i>HUYỀN-KHÔNG</i> |
| TÔI ĐI DỰ... | <i>THÍCH THIÊN-AN</i> |
| DANH TỪ PHẬT - GIÁO | <i>ĐOAN HẠNH dịch</i> |
| CHIÊM BÁI PHẬT TÍCH... | <i>THÍCH MINH-CHÂU</i> |
| TIN TỨC | |

HỌA SĨ PHẠM-ĐĂNG TRÍ TRÌNH BÀY

Chánh Hạnh

PHÁP môn của đức Phật là con đường Trung-Đạo giữa hai thái quá của dục lạc và ép xác khổ hình. Tự Ngài chứng nghiệm ép xác khổ hình, Ngài dạy một người tu mất sức khỏe không thể tiến theo con đường chánh. Con đường Trung Đạo ấy là con đường Thánh Đạo tám ngành: Chánh tri kiến, chánh tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm và chánh-định. Đây hoàn toàn một vấn đề tự tu hành không phải nhờ ai ban thưởng. Và một ai thành tựu thiết hành theo nguyên tắc này và tự chinh phục mình, người ấy sẽ không bao giờ thất bại « Cho đến niết vị thiên thần không thể thay đổi thành thất bại, sự thắng trận của một người đã tự thắng mình »

Đức Phật nói với các đệ tử rằng: những điều Ngài nghĩ, các đệ tử có thể hiểu và thiết hành theo. Lời dạy của Ngài không phải có nghĩa là một sự cắt nghĩa toàn diện của tất cả, một sự phát lộ hoàn bị của mọi sự vật. Một hôm Ngài cầm một vài ngọn lá khô trong tay và hỏi Ngài A-Nan. — Vị đệ tử thân tín của Ngài là: còn có những ngọn lá ngoài những ngọn lá Ngài cầm trong tay không? Ngài A-Nan trả lời: « Những ngọn lá mùa thu rơi đầy khắp phía, và số lượng của chúng nhiều không thể kể xiết » Đức Phật bèn nói: « Cũng vậy, ta chỉ dạy người một số ít sự thật, ngoài những sự thật ấy, còn nhiều sự thật khác, số không thể kể xiết »

« DISCOVERY OF INDIA »

PHẬT - GIÁO

VỚI PHONG TRÀO

vận động trùng chinh đạo-đức thế-giới

THÍCH THIỆN-CHÂU

NHƯ chúng ta biết, gần đây, một phái đoàn của phong trào vận động trùng chinh đạo đức thế giới đã đến thủ đô đề liên lạc với chánh quyền và các tổ chức đạo đức, nhưng mãi đến nay vẫn chưa thấy ảnh hưởng hoạt động của phong trào ấy đến miền Trung, nơi thành hành của các tổ chức đạo đức. Và trên mặt báo chí chúng ta cũng thấy có một vài ký giả đã luận bàn đến sự lợi ích của phong trào ấy, nhưng đến nay cũng không còn nghe ai nhắc đến.

Một phong trào hữu ích và có tánh cách rộng rãi như thế mà ảnh hưởng của nó không được phổ cập, thật là đáng tiếc !

Đề có thái độ thích ứng với phong trào ấy, chúng ta hãy làm một cuộc nhận xét và tìm những điểm tương đồng với Phật giáo.

Hơn khi nào hết, lúc này nhân loại mới biết sự quan trọng của

đạo đức. Thiếu đạo đức, bao nhiêu sự phát minh tâm-kỳ, công trình xây dựng của loài người bấy lâu sẽ tan vỡ trong phút chốc ; và ngay cả sự sống của loài người cũng khó mà tồn tại.

Có đạo đức mới có hòa-bình, hạnh phúc chân-thật.

Vì vậy phát khởi phong trào vận động trùng chinh đạo đức thế giới trong lúc này là một việc làm hợp thời và đúng với sự nhu cầu của nhân loại.

« Tuyệt đối thành thật, tuyệt đối thuần khiết, tuyệt - đối công chánh, và tuyệt đối thương người » là bốn tiêu chuẩn mà phong trào ấy đã nêu lên để định hướng cho hoạt động của mình đã được và chắc chắn sẽ được các tổ chức đạo đức trên thế giới và các quốc gia hưởng ứng nồng nhiệt.

Riêng Phật-giáo, một tổ chức đạo đức thuần túy lại càng nhiệt liệt hoan nghênh và cầu nguyện

cho phong trào này chóng thật hiện được mục đích.

Giờ đây, thử đem Phật-giáo đối chiếu với bốn tiêu chuẩn trên đề sự tùy hỷ và tán đồng của Phật-tử chúng ta được đậm đà hơn.

Phật-giáo là tôn giáo chuộng lý trí và đạo đức. Phật giáo căn cứ vào con người để lập ra giáo thuyết. Mục đích Phật giáo là tịnh hóa con người và xã-hội loài người để giúp con người đạt đến nhân cách viên mãn — Phật quả — Pháp sư Thái Hư có nói : « *Phật đà là chỗ nhắm đến, công việc đầu tiên và hoàn thành nhân cách, thành người tức là sẽ thành Phật. Như thế là chọn hiện thật* ». Trong Phật giáo sở dĩ thiết lập nhiều quả vị đều căn cứ trên sự rộng hẹp, cao thấp của đạo đức thật tiễn. Nhưng tất cả công đức thâu hoạch được đều phải bắt đầu ở địa vị con người.

Định nghĩa theo Phật giáo thì con người là loài chúng sanh đầy đủ công đức; súc sanh là loài chúng sanh tàn ác. Nho giáo nói : người khác với cầm thú rất hiếm. Như thế muốn phân biệt người và cầm thú thì xem đạo đức ở con người còn hay mất, có hay không.

Trong khế kinh Phật có dạy : Ta là người mà hình lộc (nai), người là lộc mà hình người. Như thế hiểu sát, tàn bạo xâm đoạt v.v... là tánh khí của cầm

thú mà người có nhân cách tôn nghiêm không bao giờ có.

Nếu mọi người đều có nhân cách tôn nghiêm thì cá nhân với cá nhân, dân tộc với dân tộc và quốc gia với quốc gia có thể sống chung trong hòa hảo hạnh phúc và thanh tịnh.

Kiến lập và phát huy đức tánh của con người là việc làm đầu tiên của tất cả tổ chức đạo đức cao cấp. Nếu cơ sở không được kiến lập thì không những người với người không thể sống chung mà tất cả những viễn ảnh mỹ lệ cũng không thể thật hiện được.

Ngoài cái lý tưởng cải tạo nhân sanh Phật giáo rất chú trọng đến vấn đề cơ sở : kiến lập nhân tánh và đạo đức, Nhân loại ngày nay đang sống trong sự đảo điên, phần đông đã bị thối nát của những tà thuyết, chạy theo vật dục thấp kém, không ngớt phát xuất những thủ đoạn trái với nhân tánh như cừu oán, đấu tranh, tàn sát v.v... không lúc nào đạo đức bị phá tán bằng lúc này.

Tuy không chỉ lấy sự kiến lập những nguyên tắc đạo đức hạn cuộc trong phạm vi phát dương nhân tánh làm cứu cánh, nhưng đức Phật và đệ tử của Ngài luôn luôn nói đến những nguyên tắc đạo đức ấy với các vị Quốc vương, Trưởng giả cư sĩ, nhân dân, vì nó là cơ sở của tất cả thiện pháp. Phật giáo gọi những nguyên tắc đạo đức ấy là phần căn bản (thấp hơn phần

hướng thượng), nội dung gồm có ba pháp qui-y, năm giới cấm, mười điều thiện, vấn đề Thiện ác nghiệp báo v.v,.. Tổng quát mà nói thì tất cả không ngoài mười điều thiện. Tuy là căn bản nhưng hạnh tự lợi của nhị thừa và việc trải nghiệm Phật quốc cứu độ chúng sanh của đại thừa cũng xây dựng trên những nguyên tắc đạo đức cơ sở ấy.

Như thế mười điều thiện là nền tảng của các thiện pháp mà cũng là một nguyên tắc đạo đức rất phổ biến.

Phong trào vận động trùng chỉnh đạo đức thế giới nêu lên bốn quan điểm kể trên, đại thể cũng không ngoài mười điều thiện. Như tuyệt đối thành thật tức là bốn điều thiện nghiệp về miệng là không được vọng ngữ mà nói lời chân thật, không hai lưỡi mà nói lời hòa giải, không thêu dệt mà nói lời đúng đắn, không thô ác mà nói lời hòa ái; tuyệt đối thuần khiết và tuyệt đối công chính là ba điều kiện về ý là không tham, không sân, không si; nói rõ ràng hơn thì tuyệt đối thuần khiết là tín tâm và tuyệt đối công chính là vô ngã. Tâm có thanh tịnh sáng suốt không tham, sân, si thật là thuần khiết chơn chính và chỉ có người thuần khiết chơn chánh mới là đại công bình không tư kỷ; tuyệt đối thương người là ba điều thiện về thân là không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm.

Bốn tiêu chuẩn trên đều có chữ tuyệt đối nghĩa là mỗi người

đều phải thực hành đúng mức theo những nguyên tắc đạo đức cơ bản tức là bốn tiêu chuẩn của phong trào vận động trùng chỉnh đạo đức thế giới cũng như mười điều thiện của Phật giáo.

Do đó chúng ta thấy thời gian không có xưa nay, đất liền không phân trong ngoài, chơn lý đạo đức quán thông một mối. Tuy số loại và lời nói có khác nhau song chỉ là một thể. Và muốn có cuộc sống an vui hòa hợp thì tất cả mọi người đều phải tu dưỡng theo nguyên tắc đạo đức cơ bản ấy.

Nhưng nếu muốn tiến lên một tầng nữa để tìm hiểu và tu theo những nguyên tắc đạo đức rộng hơn như đạo lý giải thoát của nhị thừa và những phương pháp cứu độ chúng sanh của đại thừa thì duy trong Phật giáo mới có chứ các tôn giáo, triết học khác không hề đã động đến.

Nhận chân mục đích và đường lối của phong trào vận động trùng chỉnh đạo đức thế giới và sự tương đồng giữa Phật giáo với phong trào ấy là chúng ta đã định cho chúng ta một thái độ rõ rệt là nhiệt liệt hưởng ứng và tán trợ mọi hoạt động của phong trào ấy.

Và tuy chưa liên lạc với tổ chức ấy nhưng công việc mà chúng ta đang theo dõi: tu dưỡng bản thân và cải tạo xã hội theo nhân, thiện, pháp (không kể các thiện pháp cao hơn) là những công tác góp vào công cuộc xây dựng một nền đạo đức chung cho nhân-loại

CUỘC THẢO LUẬN

CỦA

các Bác sĩ ở Luân-đôn

Thuật giả : BÁC-SĨ AN-LA-CHI (1)

Địch giả : T.Đ.T.

BÁT đầu từ số này, chúng tôi lần lượt khởi đăng tập sách nhỏ đề là: «Cuộc thảo luận của các Bác-sĩ ở Luân-Đôn». Tập sách này là thuật lại cuộc thảo luận giữa Bác-sĩ Bá-khắc-Sum và các Bác-sĩ tại hội trường Luân-Đôn vào năm 1955.

Bác-sĩ Bá-khắc-Sum là một nhà Bác-học trứ danh tại Anh quốc, sau thời-gian qua nghiên-cứu các học thuyết đông phương, Bác-sĩ về nước với một hình thức Sa-môn, một sức hiểu biết Phật pháp sâu rộng. Do lời yêu cầu của các bạn cũ, nên Bác-sĩ đã đem sự tu chứng của mình và một vài quan điểm về Phật pháp trình bày trước Hội trường.

Cuộc trình bày này được các Bác-sĩ thảo luận sôi nổi, kết quả là nhiếp phục được một số lớn trí thức, và làm chấn động dư luận tại Luân-Đôn.

Cuộc thảo luận này, Bác-sĩ An-la-Chi ghi chép thành sách và phiên dịch ra chữ Trung-Hoa. Chúng tôi lại trích dịch vào đây để cống hiến quý độc giả. Chúng tôi tin rằng: tập sách nhỏ này sẽ gây nhiều cảm hứng với quý vị; đồng thời đánh tan được một vài điểm mà quý vị thường hay thắc mắc về đạo Phật.

Và cũng từ số này, chúng tôi nghĩ đăng «Tân duy thức luận» vì có nhiều độc giả phần này quá cao, chưa thể lãnh hội được, Vậy xin đem một thời gian nữa sẽ đăng tiếp.

L. T. S.

(1) Những tên người và xứ trong đây, chúng tôi đều dịch âm.

I. — Cuộc gặp gỡ

Tại Luân-Đôn kinh đô nước Anh, có một hội trường lớn, gọi là Hội nghiên-cứu trung tâm học thuật giới. Hội này mỗi năm tổ chức một kỳ đại hội diễn thuyết, để cho các nhà Bác-học các ngành: Khoa-học, Triết-học, Thần-học v. v. trình-bày những kết quả chắc chắn sau một năm họ đã nghiên-cứu, và cùng nhau thảo luận lại.

Năm ấy, vào khoảng đầu năm 1955, đến kỳ đại-hội thường lệ, những nhà Bác-học các nơi đã rầm-rộ kéo đến hội trường. Bỗng có một người, mình mặc áo vàng, tay nâng bình bát, giống như các vị tu-sĩ ở Tích-Lan, Miến-Điện v. v. khoan thai trầm tĩnh tiến gần đến Hội trường.

Với dung-nghi và cách phục sức của vị ấy, đã làm cho dân chúng ở Luân-Đôn ngạc nhiên và chú ý, vì họ chưa từng thấy bao giờ, nên hằng ngàn con mắt đều đổ xô về vị choàng áo vàng, người đến xem càng lúc càng đông, tiếng hỏi han bàn tán càng thêm náo nhiệt.

Ngay lúc ấy, có một vị Bác-sĩ đến, thấy dân chúng đang vây quanh người choàng áo vàng, ông cũng lấy làm lạ, rẽ đám đông người, đến xem người kỳ lạ mới xuất hiện, xem kỹ, bỗng ông la to: «A! Bác-sĩ Bá-khắc-Sum. — Ông bạn của tôi người mà 5 năm về trước đã xuất bản quyển «Duy vật triết học tân nghiên-cứu» rồi đi du lịch các nước phương đông. Hôm nay sao lại ăn mặc theo lối tu-sĩ Phật-giáo ở Ấn-Độ, lâm thâm về nước. Phải chăng ông đã tập tục theo họ, cố làm ra vẻ kỳ dị? hay làm ra vẻ thần thông du hí để mua một trận cười cho các bạn cố-cựu sao?» Nói rồi ông cười ngặt.

Lúc ấy, vị choàng áo vàng, vẫn giữ điệu bộ uy-nghiêm bình tĩnh, dương mắt nhìn người vừa nói mà rằng: «Ông có phải là Bác-sĩ Mạch-dịch-Tôn không? tôi đây chính là Bác-sĩ Bá-khắc-Sum, nhưng sở dĩ ngày nay phục sức như thế này, là tôi đã gặp được nhơn duyên lớn, và cũng là kết quả to tát trong thời-gian tôi du lịch tại đông phương, chứ không phải

như lời ông vừa nói, nhưng những điều mà tôi đã thấu được vào tâm, khó mà diễn tả hết được»

Bác-sĩ Mạch-dịch-Tồn lại càng ngạc nhiên rồi nói: Lời ông vừa nói quá đột ngột, hình như tính tình ông ngày nay đã hoàn toàn thay đổi, trong giờ này và khung cảnh này tôi chưa thể đoán định được ý chỉ của ông, hôm nay lại đến kỳ Hội nghiên-cứu học thuyết, mở cuộc diễn thuyết lớn hằng năm, ngày trước ông từng nhiều phen đến giảng-thuyết tại hội này và đem những điều ông đã nghiên cứu ra công bố với công chúng, chắc ông còn nhớ những bạn cũ của ông là: Bác sĩ Á-trại-ba-thoát, Bác-sĩ Tát-dề-nhĩ, Bác sĩ Ôn-đặc-thức-lợi-văn, Bác-sĩ Ước-hàn-mặc-đức, Bác sĩ Hán-lưu-Sanh v.v... từ khi vắng mặt ông, các vị ấy thường nhắc nhở đến ông luôn, nếu họ biết ông ở đây, thì họ đã chạy đến cả rồi, hiện nay các ông ấy đều có mặt tại hội trường, nếu không trở ngại, xin mời ông đến hội-trường, đề tỏ nỗi lòng cách biệt lâu nay, và tôi còn nhiều chuyện muốn hỏi ông, ông có thể nhận lời mời của tôi không?» Bác sĩ Bá-khắc-Sum gật đầu, cùng Mạch-dịch-Tồn vào Hội trường.

Bác-sĩ Bá-khắc-Sum lúc này mới ngoài 40 tuổi, Bác-sĩ Á-trại-ba-thoát và Bác sĩ Ước-hàn-mặc-đức là những nhà Bác-học lão thành, phát phơ đầu bạc... còn Bác sĩ Mạch-dịch-Tồn cũng ngoài ngũ tuần. Năm năm trước, Bác-sĩ Bá-khắc-Sum và các Bác-sĩ này thường đem các học thuật cùng nhau bàn luận phân tích, tình bạn lẫn thầy thật là đậm đà kháng khí. Hôm nay hai Bác sĩ Bá-khắc-Sum và Mạch-dịch-Tồn dẫn nhau vào Hội trường, làm cho bao nhiêu người có mặt trong hội trường đều kinh ngạc, hàng ngàn cặp mắt đều chiếu vào Bác-sĩ Bá-khắc-Sum. Thoạt tiên Bác-sĩ Hán-lưu-sinh đứng dậy nói lớn: «phải chăng người đi với Bác-sĩ Mạch-dịch-Tồn là Bác-sĩ Bá-khắc-Sum, Người bạn đồng học với tôi năm xưa, sao ngày nay lại phục sức giống như Sa môn khất-sĩ ở Ấn-Độ vậy?»

(Còn nữa)

ĐẠO PHẬT

VỚI

PHU - NỮ

THÍCH NỮ DIỆU-KHÔNG

I - MỤC-ĐÍCH CỦA ĐẠO PHẬT

a) *Từ-bi và nhân dục* : Đạo Phật chủ-trương hai chữ Từ-bi làm căn bản.

Từ : là cho vui.

Bi : là cứu khổ.

Đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni là người đã thực-hành mục đích Từ-bi ấy. Ngài nhận thấy loài người nếu không mở rộng đức Từ-bi mà sống với nhau thì chỉ làm khổ cho nhau. Ví dụ : người ích-kỷ không mở rộng lòng thương người, người đó sẽ làm phiền cho người khác ; lòng ích-kỷ sẽ gây ra những sự bất công, người đối người, do đó mà gia-đình, cá-nhân, xã-hội đều cạnh tranh

xâu xé, tàn sát lẫn nhau. Đối với loài vật, cũng vì tâm ích kỷ mà loài người sát hại muôn vật ; nhưng kết quả chỉ để dưỡng cái thân huyễn mộng này trong một thời gian mà tạo không biết bao nhiêu tội lỗi. Vì mục-đích từ-bi nên đức Phật đem thân xuất gia lần Đạo để chỉ cho loài người lối sống giải thoát và an vui.

Đối với sự nuôi thân thể, Phật dạy cho loài người biết sự ăn chay : rau, hoa, trái cũng có thể nuôi sống một cách mạnh mẽ, khỏi tội sát hại sanh linh.

Đối với tâm hồn Phật dạy cho loài người sống với mục đích lợi tha (vì người), tìm hạnh-phúc trong sự giúp đỡ cho

người ; nghĩa là vui cái vui của người khác, một lối sống hy sinh vô ngã không ích kỷ ví-dụ như bà mẹ thương con làm cho con vui bà mẹ vui ; đũa con đau khổ ; thì bà mẹ buồn, vì sống cho con, nên mẹ đã quên cái sống ích kỷ hẹp hòi, mở rộng lòng thương tuyệt đối không bờ không bến. Lòng thương vô ngã ấy từ gia đình đến xã-hội. lan rộng ra đến muôn vạn sanh linh thương không cần trả, thương một cách tuyệt đối, thương không vị-kỷ, dường như hư không bao trùm cả vạn vật.

Tình thương vô hạn ấy, là đức Từ-bi của đức Phật. Muốn được đức Từ-bi ấy, người Phật-tử phải tu hạnh *nhẫn-nhục*.

Nhẫn, nghĩa là nhịn chịu, nhẫn bao nhiêu sự khổ *nhục* nơi thân tâm mình, mới có thể phát triển đức tánh Từ-bi một cách hoàn toàn viên mãn. Ta xem như các bà mẹ, bà nào cũng có lòng từ bi thương con thương con khi con ngoan ngoan mà không thể thương con trong khi nó ngỗ-nghịch. Cũng vì thiếu đức *nhẫn nhục* trên, nên các bà mẹ khi gặp hoàn cảnh nghịch, thiếu lòng từ-bi hy sinh cho con mà sống đời ích kỷ, riêng cho

mình, ấy là có lòng từ-bi mà thiếu đức *nhẫn nhục*.

b) *Trí huệ và Nhu hoà*.— Đã nói qua căn bản Từ-bi và nhẫn nhục cần phải nói qua trí-huệ và nhu-hoà. Từ-bi và nhẫn nhục có thể ví như thân-thể người. Trí-huệ và nhu hoà như mắt xem và miệng nói ; Từ-bi nhẫn nhục mà thiếu trí huệ nhu hoà thì không khác gì thân thể người bị hai mắt dui ; lòng từ-bi sẽ bị yếu hèn, mù quáng. Từ-bi mà có trí-huệ dắt dẫn, như người ra đi có mắt sáng khỏi sa hầm, rớt hố. Ta xem ; Như một bà mẹ tuy có lòng từ-bi thương con, nhưng không chịu con có những nét xấu nét hư ; trái lại tìm phương pháp dắt dẫn con trở nên người hữu dụng. Có trí-huệ mới biết dung hòa cho hiệp với hoàn cảnh, cũng như bà mẹ dạy con biết dùng lời nói sửa đổi tâm tánh con, con không than oán mà lại sanh lòng cảm mến.

II.— PHỤ-NỮ VÀ ĐỨC-DỤC

Trong ba món giáo dục của loài người là Thê-dục, Trí-dục, và Đức-dục. *Thê-dục* là luyện cho có thân thể mạnh mẽ. *Trí-dục* luyện cho trí-huệ sáng suốt *Đức-dục* là luyện cho người có tâm hồn rộng

rãi, khoan hồng hay dung thứ người và sẵn lòng hy sinh cho người. Nếu như có một thân thể mạnh mẽ, trí huệ sáng suốt; nhưng người ấy có tánh ích kỷ tham lam, ấy là người có thể dục và tri-dục hoàn toàn, mà thiếu phần đức-dục. Người ấy có thể làm lợi ích cho gia đình, xã hội được không ?

— Chắc các chị em đều nhận thấy, người ấy ở vào hoàn cảnh nào cũng chỉ làm hại mà không thể làm lợi cho ai được.

Như thế thì chúng ta nhận thấy đức-dục rất cần thiết cho loài người.

Trong hai phái Nam và Nữ phái nào giàu lòng từ-bi hơn ?

— Chắc các chị em sẽ trả lời: phái phụ-nữ giàu tình cảm sẵn lòng tha thứ, sẵn đức hy sinh cho người, lại đủ sức chịu đựng với cảnh khổ. Chúng ta thấy ngay những đức tánh ấy ở nơi các bà quả-phụ vì lòng thương con mà hy sinh tất cả sự ưa muốn của mình để tác thành cho con đầy đủ hạnh phúc, như thế thì phần đức-dục phụ-nữ sẵn có. Những cái gương hy sinh của các vị liệt-nữ xưa nay ở nước Việt-

Nam đã làm rạng gương đức dục, nêu cao giá trị và tinh thần phụ-nữ. Có lẽ không còn ai phủ-nhận được.

a) Đức-dục phụ-nữ với đức Từ-bi. — Muốn được hoàn thành trên con đường đức-dục, chúng ta cần phải nương theo giáo lý Từ-bi của đức Phật để mở rộng tâm hồn hy sinh lợi tha. Muốn diệt trừ bao nhiêu tật niệm xấu xa ích kỷ nơi mình chúng ta cần phải học hỏi Chánh-Pháp của đức Phật và những phương thuốc trị các tâm bệnh ích kỷ hẹp hòi đó. Có thể hiệp đức tánh Từ-bi mở rộng lòng thương người để giữ trọn tư cách người Phật-tử đối với gia đình và xã hội.

b) Sự lợi ích của Đức-dục đối với tự-thân, gia đình và xã hội. — Như trước chúng ta đã biết ba phương tiện thể-dục, tri-dục và đức-dục đối với việc giáo dục nhân-loại thì phần đức-dục phải lớn hơn. Vì sao ?

— Vì nếu thiếu đức-dục thì loài người sống một cách tàn khốc là xấu xí, cạnh tranh giết hại lẫn nhau. Loài người muốn có một lối sống hòa bình an-lạc, không thể bỏ qua về đức-dục. Xã-hội, nhân-lo

hiện thời đang ở trong cảnh
ương tàn tương sát đã cho ta
nhận thức rõ ràng là thiếu
đức-dục.

Muốn vãng hồi nhân tâm, thể
đạo, phái phụ-nữ chúng ta cần
phải chăm lo việc đức-dục
một cách hoàn toàn. Một Nữ
Phật-tử phải nhận mình là một
người hướng-đạo trên đường
đức-dục. Tự bản thân phải lo
rèn luyện những đức tánh Từ-
bi, nhu-hòa và trí-huệ để nêu
cao tinh-thần đạo Phật và làm
cho ánh Đạo Từ-bi lan khắp
gia-đình và quốc-gia, chuyển
tâm trí con người một lối
sống tương thân tương trợ
hòa-bình và an-lạc.

III.— KẾT LUẬN

Như trên chúng ta đã nhận rõ
mục đích của Đạo Từ-bi, lại
nhận thấy cái khả-năng của phụ
nữ trên con đường đức-dục ;

vậy thì chịch không còn ngần
ngại gì nữa, cần phải bước
chân vào đạo Phật, thường
thường phải thân cận để học
hỏi các vị Tăng - Ni và cư-
sĩ thông hiểu Phật-pháp để áp
dụng vào đời sống của mình.
Quyết-tâm tu học để bỏ những
tánh xấu xa, nghĩa là cải thiện
đời sống của mình thấm nhuần
vào tâm hồn những giáo lý
từ-bi của đức Phật. Đấng như
thế, chị em mới xứng đáng
là một Nữ Phật-tử đem giáo-
lý của Phật-Đà bủa khắp trần
gian, làm cho gia-đình xã-hội
người người đều sống một cách
an hòa, siết chặt tình thương
giữa người và người. Ấy là
chị em làm cái nhiệm-vụ tối
cao của người phụ-nữ học Phật.

*Giảng tại Trại "TỬ DUNG"
lớp học Nữ Đoàn-trưởng đót.g
tại Chùa Trúc-Lâm Huệ ngày
24-7-57*

SẮP XUẤT BẢN :

Phật Pháp Giáo Khoa

Là chương trình từ đệ thất đến đệ tứ dạy các trường
Trung-học Bồ-Đề của Tổng-hội Phật-giáo Việt-nam tại
Trung-phần, do hai Thầy Thích Chơn-Trí và Thích Đức
Tâm biên soạn.

Các trường Bồ-Đề các tỉnh hội Phật-giáo, muốn thỉnh
bao nhiêu tập cho chúng tôi biết số lượng, để dự trù
sự ấn loát.

VUA A-DỤC VỚI Đại thần Da-Tát

VUA A-Dục trước là người rất độc ác, từ khi theo đạo Phật đổi thành người rất nhân từ. Hồi mới theo đạo, vì lòng căn mộ quá dồi dào, nên mỗi khi ngự ngoài đường, hễ gặp các vị Tỳ-kheo nào đi ngang qua, liền xuống kiệu cúi đầu lạy. Có vị Đại-thần tên là Da-Tát, lấy thế làm quá đáng, bèn can ngăn vua rằng : « Các thầy Tỳ-kheo kia chẳng qua là những người các cấp đi hành khất ngoài đường, không đáng tôn trọng lắm ». Vua im lặng không trả lời. Cách vài ngày, vua truyền cho các quan văn võ, mỗi ông phải đem bán một đầu súc vật, và cho biết giá bán các đầu ấy như thế nào ; ông Da-Tát thì phải bán một đầu người. Các đầu súc vật thời bán được với giá tiền sai khác hơn kém nhau, duy có đầu người của ông Da-Tát bán thì không ai mua. Vua hỏi có sao, ông Da-tát trả lời : « Vì đầu người là một vật hèn hạ, không có giá trị » Vua lại hỏi : « Chỉ có một cái đầu này là hèn hạ, hay tất cả đầu người đều hèn hạ » ? Ông đáp tất cả đầu người đều hèn hạ, Vua bèn hỏi : « Vậy đầu trăm đầu cũng hèn hạ sao » ? Ông Da-Tát sợ hãi không dám nói, sau vua bắt ép ông thú thật

đầu vua cũng hèn hạ. Vua bèn giảng cho Da-Tát rằng : « Phải, người muốn cản ta đừng lay các Sa-môn là nhà người có ý kiêu căng tự đắc. Nhưng cái đầu của trăm dây là một vật hèn hạ không ai thêm mua, nếu cúi xuống mà được thêm công đức, thêm giá trị thì phỏng có hại gì ? nhà người muốn chỉ trích các Thầy Sa-môn là người các cấp, nghĩa là không sang trọng, nhưng nhà người không rõ ân đức của các Thầy. Khi nào có đi ăn tiệc, ăn đám cưới thời mới nên hỏi đến giai cấp, chớ đã đi tu học đạo, phân biệt giai cấp làm gì ? . Người sang trọng danh giá bị tội nặng thời ai cũng nói người này là kẻ có tội, và cũng đem lòng khinh bỉ. Nếu con người hèn hạ mà tu nhân tích đức thời ai cũng kính trọng, ai cũng cúi đầu ». Vua nói đến đây, bèn chỉ hẳn vào mặt ông Da-Tát nói lớn rằng : « Nhà người há lại không biết câu sau này của đức Phật Thích-Ca hay sao ? Ngài dạy : *« Người có trí thời đầu vật không có giá trị cũng làm nên có giá trị »*. Ta muốn theo Phật người lại can-gián ta, ấy là bất trung. Đến khi thân ta nằm xuống đất như cây mía kia, thời đầu muốn lay, muốn cung kính cũng không sao được nữa, thời làm thế nào được công đức. Vậy người nên đề yên ta lay các vị Sa-môn kiếm chút phúc đức. Nếu người nào dám tự nói « Ta là người đáng tôn-trọng hơn tất cả, thời người ấy là người u-mê nhất đời. Nếu lấy huệ nhãn của đức Phật mà xem xét thân thể, thời biết thân ông Vua và thân người cũng giống nhau, cũng da thịt xương, khác nhau chỉ có cái phù hoa bề ngoài. Nhưng cốt yếu ở đời là lòng đạo đức, thời trong thân thể người hèn hạ nhưt đời cũng có thể có được. Chính cái ấy là người trí giả gặp đâu cũng phải cung kính phải cúi lay vậy ».

P PHÁP

Trích trong chuyện Vua A-Dục

TU

KHỔ HẠNH

Lời nói đầu.— *Bắt đầu từ số này, chúng tôi sẽ trích dịch một vài đoạn trong kinh tạng Pali hoặc Phạm văn, chưa thêm một vài lời chú thích để các độc giả có thể đọc thẳng trong kinh tạng và hiểu cách hành văn như thế nào.*

(Trước khi thành đạo, đức Phật tu hạnh khổ-hạnh trong 6 năm. Sau khi về già, Ngài kể lại cho đệ tử Sariputta (Xá-lợi Phất) Ngài tu khổ hạnh như thế nào)

...Này Xá-lợi-Phất, Ta nay có thể nhớ lại khi xưa Ta tu hạnh khổ hạnh như thế nào..

...Ta đi mình trần, không một manh áo. Ta kiếm món ăn từ hai bàn tay không. Ta không nhận món ăn với những lời nói: Bạch Đại Đức, mời Ngài vào. Hãy đứng lại đây, Bạch Đại Đức. Ta không nhận những món ăn do người bưng

lại hay đặc biệt dành riêng cho Ta. Ta không nhận lời mời dự ăn nào. Ta không nhận các món bố thí để trong nồi hay để trong đĩa, Ta không lấy món ăn để trước ngưỡng cửa hay đưa ngang song cửa, hay để trong nhà giả gạo, hay từ hai người đang cùng ăn, hay từ một người đàn bà có thai, hay từ người đàn bà đang cho con bú, hay từ người đang tư tình, hay các món ăn thâu góp từ nhiều chỗ lại. Ta không lấy các món ăn để gần chỗ có chó đứng, hay tại chỗ nhiều ruồi lẫn bu đậu, ta không nhận các món cá, thịt, không uống thứ nước lên men các thứ nước chưng cất, và các món bột đã chua.

Ta ăn chỉ từ một nhà, và chỉ một miếng từ chỗ ấy. Hay ta ăn chỉ từ hai nhà và chỉ hai miếng từ chỗ ấy. Hay ta ăn

chỉ từ 7 nhà và chỉ một miếng từ mỗi nhà. Ta tự giữ đi ăn xin chỉ từ một chỗ hay chỉ từ hai chỗ, hay chỉ từ 7 chỗ trong một thời. Ta chỉ ăn một lần một ngày hay một lần trong hai ngày, hay một lần trong 7 ngày. .

Ta chỉ dùng các thứ vải rất thô xấu ta chỉ dùng vải gai đan lộn với các thứ khác, hoặc vải ở các bãi tha ma, hoặc các giẻ rách bỏ đống, hoặc mặc áo bằng vỏ cây. Ta mặc áo bằng da dê rừng, gồm những mảnh da dê rừng may lại. Ta mặc áo dệt bằng sợi kusa, dệt bằng vỏ cây, hoặc áo bằng tóc người cạo bỏ, hoặc áo bằng lông ngựa hoặc bằng lông cú. .

... Ta sống ăn dật, tại chỗ rất vắng vẻ hiu quạnh. Ta thường ở trong rừng, sống trong sâu thẳm. Khi ta thấy một người chặn bộ hay chặn cừu, hay người bứt cỏ, hay người đốn củi, hay người ở rừng, Ta liền chạy trốn từ khu rừng này qua khu rừng khác, từ cao nguyên này qua cao nguyên khác. Vì ta sao vậy? Vì tránh đừng đề cho những người ấy thấy hay Ta thấy người ấy. Ta sống hạnh ăn dật triệt đề như vậy...

... Nay Xá-lợi-Phất, rồi Ta

đi sâu vào một khu rừng rã hái hùng và sống trong ấy, khu rừng ghê gớm dễ sợ đến nỗi những ai chưa dứt sạch các dục vọng, bước chân vào là phải rụng tóc gáy lạnh người. Rồi trong những đêm giá lạnh, giữa những ngày mông 8 (Âm lịch), trong những đêm có mưa tuyết, trong những đêm ấy Ta sống ở ngoài trời, và ban ngày Ta sống trong rừng che kín. Và trong tháng cuối của mùa nóng, ban ngày ta ở sống ngoài trời và ban đêm ta sống trong rừng che kín. Và như vậy, này Xá-lợi-Phất, những câu thơ như sau này chưa bao giờ từng nghe đến với Ta :

*Thiên đốt giá lạnh, vắng lặng,
quạnh hiu
Trong khu rừng hái hùng, sống
một mình.
Mình trần, không lửa nóng sưởi
ấm thân,
Người tu sĩ hướng tìm chơn đạo
hạnh.*

(Kinh Majjhima Nakaya, 77 - 9)

Lời bàn — Đây chỉ là một đoạn rất ngắn thuật lại đời khổ hạnh của đức Phật trên con đường hướng tìm chơn lý. Tuy rằng Ngài không khuyên các đệ tử tu hành khổ hạnh như Ngài, nhưng đạo trang khổ hạnh này, chúng ta có thể hiểu

đạo là một con đường đầy tranh-đấu, gian lao, khác khổ để chiến thắng những tham muốn con người, những ngang trái hoàn cảnh, những mê mờ của nguy hiểm và xuyên tạc. Đừng lầm vào đạo Phật để được an thân, ăn no ngủ kỹ. Đừng lầm vào đạo Phật là có người tiền đấng hạnh phúc cho mình. Cần phải hiểu Đạo nghĩa là tự lực tranh đấu, từng giờ từng phút, từng tắc tắc, từng bước một, không một phút dừng nghỉ cho đến phút cuối cùng. Và trước khi viên tịch, Ngài còn căn dặn các đệ tử: **Hãy tinh tấn lên để tự giải thoát.**

Sự tranh đấu trong đạo Phật không có nghĩa là một sự bắt buộc từ ngoài lại mà chỉ là một sự ưng thuận tự thân, sau khi đã hiểu lời Phật dạy và tìm được ý nghĩa của sự sống. Sự tranh đấu trong đạo Phật không có nghĩa là tranh đấu cho cơm áo, tranh đấu cho một đời sống đầy đủ về vật chất, mà chỉ là một sự tranh đấu chống mê mờ để được thấy ánh sáng chơn lý, một sự tranh đấu chống tham

muốn, phiền não trôi buộc để được sống giải thoát và thanh tịnh. Sự tranh đấu trong đạo Phật không có nghĩa là tàn hại người để tìm phúc cho mình, cho bà con dân tộc mình, mà chỉ là một sự tranh đấu vì Người, vì Nhơn-loại, vì Chúng-sinh.

Những trang khổ hạnh này lại giúp người Phật tử trong khi tu hành hay làm các Phật sự, nếu có gặp những ngang trái khó khăn cũng vui lòng đương chịu, hoan hỷ vượt qua tất cả để phụng sự đạo Phật, và chúng sanh. Vì, sánh với sự khổ hạnh của Ngài, chúng ta thấy sự khó khăn ngang trái của chúng ta đã gặp và phải gặp không có nghĩa lý gì, và nhờ vậy, tất cả những trở lực, tất cả những chướng ngại chúng ta đã gặp và phải gặp sẽ nung nấu điều luyện chí tranh đấu của người Phật tử, và hóa thành những sức mạnh kích thích thúc đẩy người Phật tử, tận lực tu hành, hy sinh cho Đạo và cho toàn thể chúng sanh.

THÍCH MINH CHÁU

NHỮNG TIẾNG CHUÔNG

*NHỮNG tiếng chuông vàng
Nhẹ nhàng dâng buổi sớm
Trời dờm mây yên lặng
Hoa thẹn thùng sương dờm.*

*Ngọt lịm không gian nghìn âm chuyền,
Tim hớn hở lắng nghe niềm xao xuyến.*

*Những tiếng chuông vàng
Nhẹ nhàng dâng buổi sớm
Hoa đời tung cánh dậy
Say sưa hương dờm ngày.*

*Mênh mông thanh lượn múa trên trời;
Ai khờ sờ sẽ nghe lòng rất ấm.*

*Những tiếng chuông vàng
Nhẹ nhàng dâng buổi sớm
Ta nghe mùa xuân chớm
Trong âm điệu rộn ràng.*

*Yêu thương quện mãi miền hoan lạc,
Bao chùng-tử kết duyên làm nhân thế.*

*Những tiếng chuông vàng
Nhẹ nhàng dâng buổi sớm
Nghe rất dịu
Và lòng vô biên quá thề!*

NGUYỄN-THAI

NHỮNG ĐÊM TRẮNG

HUYỀN - KHÔNG

ĐÊM nay Trung-Thu. trăng sáng quá! Không gian rộng rãi và đẹp quá! Lòng rộn-rã như muốn thu tất cả! Không khí mát dịu, hiền lành của đêm nay vào lòng mình.

Đêm càng về khuya, trăng càng sáng giá thêm, lòng tôi lại càng thao thức. Tôi tâm-tư mãi cái tâm-tư của những con người hay tâm-tư. Tôi nhớ lại những đêm trăng, những cảnh đẹp, những nơi xa xăm, những đêm trăng rằm đã chôn vùi dưới nấm mồ quá-khứ! Nhưng đêm nay Trung-Thu, ánh trăng kia cũng như dư-âm của tiếng hồng-chung u-minh ngân dội, nó cứ trôi dạt, khơi lên bao nhiêu là dĩ vãng, bao nhiêu là ngày tháng vui buồn đã phủ nặng trên kiếp sống con người bé nhỏ của tôi, nên tôi lại triền-miên về những đêm trăng...



Tôi trở về những con đường trăng cũ. Tôi đã từng đi nhẹ nhẹ bên cạnh một vài người bạn đồng đạo dưới hai hàng nhãn trước sân chùa Báo-Quốc, hay đã cùng ngồi nín thinh thâu đêm trong những ngôi tháp cổ để nghĩ chuyện muôn đời để say sưa tắm ánh trăng rằm sau giờ tịnh-niệm của những mùa an-cư hằng năm. Tôi chắc bạn tôi, người ở Anh, kẻ ở Nhật, người ở Huế, kẻ ở miền khắp nơi, giờ đây mỗi người sống mỗi phương, nổi chân trời đất nước, nhưng không ai

là không nhớ những đêm trăng cõi mở, những vườn trăng đạo vị của Phật-Học-Đường Báo-quốc, mà những người thế-nhân, những tâm-hồn trần-tục ít ai mà thường thức được. Vì muốn sống trong lòng trăng, muốn cõi mở tâm hồn, muốn nhẹ nhẹ bước vào vườn trăng đạo kia, thì ít ra, người ta phải sống đời sống tu-sĩ, phải có tâm-hồn sáng như trăng, phải cảm thấy niềm vui giải-thoát, nhìn sâu vào bản-thể thanh-tĩnh của con người. Có như vậy, tự nhiên chúng ta mới có những giờ phút đầy ý-nghĩa, thấy lòng mình nở rộng ra chan hòa vào bản-thể của vũ-trụ. Khi ấy, ta mới thấy cái đẹp cao quý, cái cảnh đầy tinh-khiết, cái niềm vui bất diệt của những đêm trăng giữa vườn trăng đất Phật.

Có những đêm trăng, tôi từng nằm suốt đêm bên thềm chùa Thiên-Minh để ngắm trăng, để nhìn sao băng trên không-gian trong những đêm trăng rằm của mỗi độ, để thấy mỗi buồn vạn cổ trong con người nó dâng lên, thấm dần trong cơ-thể, tràn ngập trong tâm-hồn. Những đêm trăng như vậy, tôi thường nhớ đến những giòng thơ đau khổ của Hàn-Mạc-Tử, đến Lý-Thái-Bạch qua những hơi men chệnh choáng cảm trăng mà chết, hay những vần thơ rất thơ của thơ-sĩ Trúc-Diệp:

«... Tôi đã sống một mình không lui thui.

Tôi đã gần vạn-vật của xa-xăm,

Nhưng hôm nay còn tấm ánh trăng rằm

Bởi những phút chưa bao giờ thấy có»

Chính vì những phút sống rất quý báu của những đêm trăng là khó kiếm, nên những ngày còn ở Thiên-Minh không mùa trăng rằm nào mà tôi không ngắm ánh trăng rằm để cho lòng mình khoan-khoái, vui nhẹ bao nhiêu nghiệp-chướng của con người, bao nhiêu tải nhục của miệng đời thêu dệt gán cho, bao nhiêu là màu sắc hoen-ố của thiên-hạ đeo vào, làm cho người của tôi thừa ấy đã trở nên kỳ dị! Sai một ly đi ngàn dặm là chuyện thường. Ít người hiểu tôi qua phớt-độ, qua kiến-thức, qua tâm-hồn của người tu-sĩ. Nhưng ánh trăng kia

là chân-lý, là nguồn an-ủi, là người bạn hiền hữu tôi, đã đưa tôi đi lên, đã xóa bao nhiêu phiền-não, đã soi thông suốt tâm-hồn tôi. Nên độ ấy, chính tôi xem trăng như bà mẹ, đã hiền từ hướng dẫn tôi đi lên; như người chị, đã thương yêu dắt dìu tôi qua một đoạn đường khá nguy hiểm của đêm dài, và chính nhờ những đêm trăng này, tôi được kinh-nghiệm thêm ở bản thân, được đào-luyện cho mình một cuộc đời phong-quang, già-dạn thêm trên bước đường tu học.

Rồi những ngày xa Huế vào Nam, tôi đã sống rất tham những đêm trăng ở Gia-Định. Nơi đây, những đêm trăng đầy giải-thoát, đầy an-lạc, sau giờ tụng kinh tối xong, vào khoảng 10 giờ đêm trở đi, khi lòng tôi khoan-khoái, khi mọi vật bên ngoài đã lắng yên, tôi và N. H. đã lại từng đem ghế bố ra nằm trước sân chùa Phước-Hải, ngược mặt lên nhìn không-gian, chúng tôi bàn thơ trăng qua các thi-sĩ danh tiếng. Thỉnh thoảng, hai anh em tôi lại không hợp ý - kiến nhau. Không vui, chúng tôi liền nằm tương-phản, đầu lưng với nhau trong yên lặng. Cũng có lúc, sau giờ bàn thơ chán chúng tôi lại nói chuyện phiếm, nói chuyện phiếm chán, chúng tôi liền đi sâu vào thế-giới bên trong của con người. Chúng tôi từng so sánh chúng tôi như sao, Đức Phật như mặt trăng. Mà thực vậy, có chiếc sao kha khá lớn, có vừa vừa, cũng có chiếc tí xíu nằm tít mãi đằng xa, cách mặt trăng ngàn vạn dặm xem chừng đau khổ như cuộc đời thiếu ánh sáng. Cũng như người có tu gần Phật, ánh sáng nhiều; kẻ ít tu xa Phật, ánh sáng ít, và người không tu, lẽ dĩ nhiên cuộc đời rất đau khổ, có vẻ cô đơn hơn. Đêm càng về khuya, gió của miền nam thổi càng thêm dễ chịu, nên đã có lần chúng tôi nằm như vậy suốt đêm trăng, dề rồi chẳng nói chẳng rằng với nhau bất kỳ một câu gì.

Có nhiều hôm đi vu vơ, không hiểu vì duyên cớ nào, chúng tôi lại nằm quên dưới gốc cây đại thọ, trên bãi cỏ xanh trong lăng ông Thượng-Công Duyệt. Chúng tôi nằm ngắm ánh trăng rằm xuyên qua kẽ lá, lặng nhìn trời xanh, lòng chúng tôi thực là trong lành và thanh-tịnh. Ngoài lăng ông Thượng Công cả một cuộc sống ồn ào náo động: cuộc sống tranh

sống của loài người. Bè trong lãng ông Thượng, chúng tôi say sưa nằm đề đi sâu vào tiềm-thức của con người, đề thở không khí hương-trầm quyện mái trong lãng, rồi quên đến khuya phải nhờ ông Từ mở cửa sau cho về.

Cách đây ba năm, đầu mùa hạ năm ấy tôi phải đến ở Di-Linh, một tỉnh nhỏ nằm giữa núi rừng heo hút, quanh năm cuộc đời như khép chặt lại. Tôi đến đây ở đề an òn cho tâm-hồn, và cũng đề nâng đỡ bao tâm-hồn đồng-đạo trên đường tu-niệm. Đã ở trên núi cao tự nhiên không diệt phiền-não cũng lãng xuống, bao nhiêu sầu muộn cũng tiêu tan, nên lòng tôi rất nhẹ nhàng, êm-ái như áng mây trắng trôi trên nền trời xanh thẳm, an-lạc vô-tư như tiếng trống của người Thượng đánh vui mừng trong những đêm trăng đại-hội, Trăng ở Di-Linh là trăng của núi rừng, của muông-thú đi ăn đêm, của người Thượng say vui bên đồng lửa chập chờn dưới bóng trăng qua những nhạc-cụ thượng-cổ, những hủ rượu cần của miền sơn-cước và chính là trăng của lòng tôi. Vì vậy, trăng ở Di-Linh đã khơi sáng ánh trăng chính của lòng tôi, không có duyên gặp được, vì ở đây thiếu thiện-hữu, tôi đã sống rất nhiều vào nội-tâm.

Cũng một đêm trăng rằm nào gần đây, trên chót cao của thượng tầng không-khí, sau giờ làm Phật-sự cho ngày mồng 8 tháng tư ở Khuôn về, tôi và một vài đạo-hữu có tâm-hồn nghệ-sĩ lại đi quanh hồ Đà-lạt đề thưởng-thức cái đẹp huyền-bí của trăng. Đêm Đà-lạt thật là lạnh. Trăng Đà-lạt thật là trong sáng. Rõ thực thượng tầng không-khí có khác, ánh trăng rằm nó cũng đặc-biệt hơn. Hèn gì càng đi lên cao, con người của chúng ta lại càng nhẹ nhàn, càng tinh khiết thêm là phải. Hôm ấy, hồ Đà-lạt thật là mặt nước của hồ thu, trong và yên lặng vô cùng; chúng tôi ngắm trăng trên không chán, rồi lại ngắm trăng dưới nước, và chính tôi lại có ý-tưởng thơ ngây, thấy trăng bước theo chân chúng tôi trên mặt đường của vệ hồ, và nhìn xuống lòng hồ trong lãng, chao ôi là đẹp! Một hồ đầy trăng nước mênh mông.

Chúng tôi lại bảo nhau, chúng ta hãy cố mà tu-tập để một ngày kia tâm-hồm ngập đầy ánh sáng như lòng hồ. Vì cảm cái đẹp của trăng, những Đạo-Hữu cùng đi với tôi họ muốn thưởng thức cái đẹp hồn nhiên của vạn-vật ấy, nên đêm dù khuya, khi trời dù lạnh, họ cũng vẫn mãi-miết đi theo gót chân tôi sống trong không khí rộng rãi. Riêng tôi, tư tưởng tôi rất thoải-mái, phong-phú và xáng-lạng vô cùng, và vì vậy, tôi cứ ngỡ rằng mình đã bắt gặp bản-tánh thanh-tịnh của thuở nào. Tôi lại băn khoăn nghĩ, làm thế nào để giữ mãi giờ phút thanh-tịnh này đây ? Làm thế nào có được ánh trăng tròn đầy trong lòng mình nhỉ ? Ngược dòng thời-gian quá khứ, có lẽ cũng một đêm trăng tương tự như thế này, đã có một vị Thuyền-Sư xem đời mình như chiếc thuyền, mà muốn giác-ngộ Phật-tính thì thuyền phải vô-tư, nên đã nói : « Mãn thuyền không tải nguyệt minh quy » : Chính nhờ điếm vô-tư và không dụng công đó, con thuyền kia mới chở được ánh sáng của ngàn trăng, về trong tự-lánh.

Tôi đương cố đi lần đến một trình-độ vô-tư, không dụng công ấy, để một ngày kia chiếc thuyền đời tôi sẽ chở đầy ánh sáng cho vạn-vật.

Trên bước đường trôi nổi gió đưa mây đầy, duyên nghiệp đã đưa tôi sống rất nhiều mùa trăng qua rất nhiều xứ. Tôi đã từng ngồi trên bãi biển Nha-trang để xem ánh trăng vàng nổi trôi trên từng đợt sóng, để thấy rõ bao nhiêu cuồng-vọng trong lòng mình đã xao động vì nhiều kiếp, đã từng chối từ ánh sáng, xa lìa bản tánh, đi sâu vào dòng sống sanh tử luân-hồi, như từng đợt sóng đã chối từ ánh sáng của ngàn trăng ! Tôi đã từng ngồi trên đỉnh cao của chùa Sinh-Trung, nhìn thành phố Nha Trang đương ngập tràn ánh sáng trăng rằm, như muôn loại chúng-sinh được núp dưới ánh hào-quang từ-bi của Đức Phật, sống một cuộc đời xáng-lạng và huy-hoàng.

Tôi còn nhớ, một hôm vì Phật-sự đã đưa tôi vào Hội-An. Sau giờ lễ Phật, sau cuộc họp bàn Phật sự xong, tất cả Phật-tử đều ra về hết. Chùa yên lặng, lòng tôi cũng lắng xuống

và sắp sống với nội-tâm, thì bên ngoài, trăng mênh mang chiếu ánh vàng xuống Phật-địa như gương soi vào mọi cạnh khía bên trong của con người. Giữa giờ phút an-tĩnh ấy, giữa cảnh vật thanh-thoát kia, tôi đã ra ngồi bên hồ sen trước sân chùa. Hương sen của ngày Hạ thơm ngát, ánh trăng hiền dịu hoan-lạc chiếu trên mình tôi. Thị-giác và khứu-giác đang đưa tôi vào thế-giới Tây-Phương Cực-Lạc, có hồ sen thất-bảo, có ánh trăng vàng chỉ giáo mênh mang; rồi tôi mơ ước ngày thành-đạo bên thế-giới thanh tịnh của Đức Phật Di-Đà. Bao giờ nhỉ? Bao giờ tôi sống trong thế-giới Cực-Lạc? Và bao giờ tôi mới giải-thoát đây? Đã tư-tưởng thế nào cũng thực-hiện. Nghĩ như vậy, tôi ngồi trong đêm trăng hôm ấy, tôi đã âm-thầm niệm Phật cho chính lòng mình nghe.



Vũ-trụ phải có trăng, cũng như chúng-sinh ai cũng phải đầy đủ Phật-tính. Gần tàn tuổi hai mươi, tôi đã dựng xây rất nhiều cho cuộc đời trong sáng. Mỗi năm qua cũng như những mùa trăng giữa tháng lại, tôi thường nhớ những đêm trăng thuyềnvị, những giờ sống rất siêu-thoát của người tu-sĩ Á-Đông, và chính nhờ không-gian mênh mông, thời-gian huyền-diệu của những đêm trăng này, cứ mỗi tháng qua, mỗi tuần trăng lại nó đã đổi thay dần kiếp sống của bản thân tôi, tạo cho tôi một phong-độ thuyềnvị qua làn áo tu niệm của thời-gian.

Hôm nay, Trung-Thu Đinh-Dậu lại về. Những tâm-tư những thao-thức của những đêm trăng quá-khứ nó cũng về theo, Con người tôi là một vũ-trụ nhỏ. Tôi đang cố dựng xây một Trung-Thu trong lòng vũ-trụ bé nhỏ này và ngày ánh trăng rằm Trung-Thu chiếu vào lòng tôi có lẽ cũng là ngày tôi đã tìm ra chân-lý, không bị chiếc xe luân-hồi sinh-tử mang đi xuống các kiếp sống thấp hèn. Tôi hy-vọng và đang chờ đợi ánh trăng rằm của tôi.

Đà-lạt, Trung-Thu Đinh-Dậu 57

■HUYỀN-KHÔNG■

Tôi đi dự hội - nghị

TỐI-CAO VĂN-HÓA PHẬT-GIÁO NHẬT-BẢN
TẠI CAO-DÃ-SƠN (KOYASAN)

PHẬT - GIÁO Nhật-Bản là một tôn-giáo tổ-chức rất đầy đủ và chu-đáo. Bên cạnh các tổ-chức có tánh cách hành-chánh như Tông-hội Phật-giáo Nhật-Bản, hội Phụ - nữ Phật-tử, hội Thanh-niên Phật-tử, hội Liên-hiệp các trường Đại - học Phật - giáo, hội Học-sinh Phật giáo v.v..., vì muốn thu hút các bậc học-giả thuộc về giai cấp thượng tầng trí-thức, nên Phật-giáo Nhật-Bản còn tổ-chức ra các hội chuyên môn khảo cứu nền triết-học uyên-thâm của Phật-giáo, như hội Tối-cao văn-hóa Phật-giáo v.v...

Hội này sở dĩ gọi là hội Tối-cao Văn - hóa Phật-giáo là vì hội chỉ thu nhận những hội viên ít nhất là đã tốt nghiệp Đại - học tức là tương đương với trình độ toàn phần cử nhân bên ta. Tuy thế phần đông các hội viên ở đây đều là những học giả danh tiếng, những bậc giáo sư, khoa trưởng, viện trưởng ở các Đại-học-đường, và hầu hết đã có bằng Tiến-sĩ hoặc Bác-sĩ cả. Mục đích của hội là sưu tầm, khảo-cứu lịch trình tiến hóa của Phật - giáo qua các

thời đại; và nghiên-cứu, phát huy nền văn hóa, triết học Phật-giáo cho đến tận cùng để giác ngộ nhân sanh, nhất là đối với các dân tộc chưa tín ngưỡng Phật giáo. Cũng vì mục đích ấy, nên hội đã ấn hành nhiều loại sách báo Phật-giáo qua các thứ tiếng rất có giá trị. Hoạt động của hội chú trọng đi sâu nhiều hơn đi rộng. Mỗi năm có một cuộc đại - hội để các hội viên họp trình bày, phát biểu công trình nghiên cứu của mình trong một năm qua. Những bài thuyết trình ấy nếu được toàn hội duyệt y thì sẽ được ấn hành thành sách để phổ biến cho quần chúng.

Hội được thành lập 8 năm nay, dưới sự hướng dẫn của hai vị Tăng - già Bác - sĩ: Miyamoto và Phukui. Vì hội chỉ thu nhận những người thuộc về thượng tầng trí-thức, nên số hội viên không đông đúc như các hội Phật - giáo khác. Tuy thế ảnh hưởng của hội đối với Phật - giáo Nhật - Bản, nhất là vấn đề truyền giáo và văn hóa thì rất lớn. Hiện giờ đã có trên 60 trường Đại-học trên toàn quốc

hạt-bản tham dự vào hội này. Hội lần thứ 8 của đã được hành long trọng tại Đại-học-dường Koyansan ở núi Cao-dã-sơn trong 3 ngày 5, 6, 7-7-57 vừa rồi.

Tôi được vị giáo sư chỉ đạo Bác sĩ Phukui giới thiệu vào hội này trong khoản cuối tháng 4 năm này, sau khi đã tốt nghiệp Văn-học vì thế tôi được dự vào kỳ hội này. Tuy ngày khai mạc là 5-7-1957, nhưng vì từ tỉnh Tokyo tôi tiện ở, về đến núi Cao-dã-sơn gần 20 giờ bằng tàu hỏa tốc hành, nên tôi đã cùng với giáo sư Phukui khởi hành từ sáng ngày 4-7-57, đến trưa hôm sau thì đến Cao-dã-sơn.

Chiều hôm 4-7-57 thì tất cả hội viên sống rải rác trên toàn quốc Nhật-Bản lũ-lược kéo về đông đủ. Chuyển tàu từ tỉnh Osaka lên đến đỉnh núi Cao-dã-sơn, mấy ngày ấy thật đông-đặc cả người đi hội. Nhìn đến đoàn người ấy tôi liên-tưởng đến đoàn đệ-tử Phật đang kéo nhau lên đỉnh núi Kỳ-xà-quật để kiết-tập ba tạng kinh-diễn lần thứ nhất sau khi Phật diệt-dộ.

Sau khi nhóm-họp đông-đủ, tối hôm ấy hội có mở ra một cuộc họp mặt thân-mậ', luôn tiện đề giới thiệu các hội-viên mới. Đến lượt giới thiệu hội viên ngoại quốc, trong đó gồm có tôi, 2 người Mỹ, 1 người Ấn-độ và một vị Tăng-già Diễn-Điện, tất cả đều được hoan-nghehnh nhiệt-liệt. Chúng tôi mỗi người đều được mời đứng lên

tự giới thiệu và nói cảm tưởng của mình. Theo thứ tự A, B, C, tôi đứng lên tự giới thiệu sau hết, và đã tụng một bài kinh « tứ hoảng-thệ » bằng tiếng Việt, qua máy thu thanh; tất cả hội-nghị đều sung sướng cảm-động, cho đó là một kỷ-niệm đáng ghi-nhớ trong lịch-sử Phật-giáo Nhật-Bản.

Đến sáng ngày 5-7-57 sau khi làm lễ khai-mạc tại Phật-diện xong, tất cả đều đến tề-tụ tại Đại-học-dường Koyasan để theo chương-trình đã vạch-dịnh. Vì người thuyết-trình thì đông mà thời-gian hội-nghị thì chỉ có 3 ngày, vì thế nên hội-nghị chia làm 5 tiểu ban như sau để đủ thì giờ mà thuyết-trình.

- 1) Ban nghiên-cứu triết-học Phật-giáo qua Đại-thừa và tiểu-thừa
- 2) ban nghiên cứu ảnh hưởng Phật-giáo đối với nền triết-học Ấn-Độ và Trung-hoa,
- 3) ban nghiên-cứu nguyên-nhân phát-sanh và truyền-bá của các bộ-phái tôn-phái trong Phật-giáo,
- 4) ban nghiên-cứu Lịch-sử Phật-giáo Nhật-Bản, và
- 5) ban nghiên-cứu lịch-sử cùng tư-tưởng và ảnh-hưởng của các vị Đại-dức-Tăng, và các học-giả, phiên-dịch-gia Phật-Giáo danh-tiếng trên thế-giới. Mỗi hội-viên tùy theo địa hạt nghiên-cứu, sở-thích của mình có thể tham-gia vào một trong 5 ban ấy. Chúng tôi là những hội-viên mới vào nên không có bồn-phận thuyết-trình, vì thế có thể đi dự thính tất cả các bài thuyết-trình

hợp với địa-hạt nghiên-cứu của mình trong 5 ban ấy. Những bài thuyết-trình này sẽ được in thành sách một ngày rất gần đây, nếu có dịp tôi sẽ dịch gởi về công-hiến quý vị độc-giả thân-mến.

Đại-hội tối-cao văn hóa Phật-giáo năm này tổ-chức tại núi Cao-dã-sơn rất có ý-nghĩa. Ở đây có thể nói là nơi tập-trung tất cả nền văn-hóa thịnh-hành của Phật-giáo Nhật-bản nói chung, và của Chơn-ngôn-Tôn nói riêng. Thật vậy, trong dãy núi cao trùng-trùng điệp-điệp như vậy, mà từ xưa đã dựng lên được những ngôi chùa uy-nghiêm tráng-lệ như thế, thật là cả một công trình rất vĩ-đại. Từ dưới chân lên đến chóp núi, tà-hỏa chạy vòng quanh chừng 3 giờ; rải-rất dọc đường dân-cư thì thưa-thớt, nhưng chùa-chiền thì thật nhiều. Kể cả nhỏ và lớn, chỉ một hòn núi Cao-dã-sơn này, số chùa cũng đã nhiều hơn số chùa của cả tỉnh Thừa-Thiên bên ta. Nghe ra thì số chùa này có thể làm chỗ trú ẩn cho trên 5 vạn khách thập-phương ở xa đến chiêm-bái.

Lên đến đây đi đâu cũng thấy cả chùa, nhìn đến đâu cũng thấy hình-bóng của các vị Đại-Đức-Tăng. Dân chúng ở đây sống hiền-lành, và họ hâm-mộ đạo Phật lắm. Khách thập-phương ở các tỉnh xa hằng ngày đến chiêm-bái rất đông. Ở đây cả ngày chỉ thấy nghe Phật-sự. Hương trầm thơm ngát cả núi rừng; tiếng chuông mõ uoa lâu với tiếng kinh-kệ luôn luôn

phảng phất bên tai; thỉnh thoảng có những đoàn người thuần kính tay cầm hoa, miệng niệm Phật rúc bước trên đắc ngã đường, lần cho khách thập-phương cảm như mình đang lạc vào trong một thế giới Cực-lạc xa-xăm, tất cả cảnh-sắc của trần-gian tục-lụy.

Vị tổ khai sáng núi Cao-dã-Sơn này là Hoàng-Pháp Đại-Sư (Kobodaishi). Tổ sư sau khi đi du học và thụ giáo ở Trung-Hoa về, Ngài một mình một bóng leo lên dãy tu-hành và khai-xướng Chơn-ngôn-Tôn tại Nhật-Bản. Đức cảm hóa của Ngài càng ngày càng lan rộng đệ-tử quy-tụ mỗi ngày một đông dần dần mở thành một Đại-tông-lâm, hay nói đúng hơn là một đô thị Phật-Giáo cho đến ngày nay. Ngôi bửu tháp rất trang-nghiêm vĩ-đại của Hoàng-Pháp Đại-sư hiện giờ cũng đặt tại đây để làm nơi quy-ngưỡng cho tất cả Tăng, Tín đồ về phái Chơn-ngôn-Tôn tại Nhật Bản. Múi Cao-dã-sơn được khai phật từ đời ngài Hoàng-Pháp Đại-sư, nghĩa là cách đây gần 1500 năm về trước.

Ngoài những ngôi chùa đồ-sộ cùng ngôi tháp vĩ-đại trên, tuy dân cư ở đây không được đông-dúc lắm nhưng hội Phật-giáo ở đây cũng mở được một ngôi-trường Đại-học Phật giáo, lấy tên là Koyasan Đại-học. Ngôi trường này là trung-tâm đào tạo tăng-tài của phái Chơn-ngôn-Tôn cũng là trụ-sở nhóm họp của hội nghị Tối-cao văn-hóa Phật-giáo này. Việc giáo-dục của trường này để

Tăng-già đảm-nhận, và tổ-chức giáo-dục của trường gồm có 5 khoa như sau : Phật-giáo học chuyên-công, Phật-giáo-học chuyên công, Anh-Mỹ văn-học chuyên-công, Trung-quốc Triết-học chuyên-công, và Xã-hội học chuyên-công. Tuy là trường của Phật-giáo tổ-chức, nhưng những người tốt-nghiệp của trường này, cũng có thể được chính-phủ bổ-nhậm đi làm giáo-sư ở cao trường Trung-học và Cao-đẳng. Phụ-thuộc vào trường này, có một trường Cao-đẳng gồm độ 700 học-sinh. Tất cả việc quản-lý và giáo-dục của trường này cũng đều do Tăng-già đảm-nhận. Có thể nói rằng : về phần văn-hóa giáo-dục của thành-phố Cao-dã-sơn này, tất cả đều do Phật-giáo nắm, vì thế đời sống cả tinh-thần lẫn vật chất của dân-cư ở đây rất thuần-túy và hiền-lành.

Đó là những điều tìm hiểu được của tôi trong chuyến đi dự Hội-nghị tối-cao văn-hóa Phật-giáo ở núi Cao dã-sơn này. Qua 3 ngày 5, 6, 7-7-57 hội-nghị tiếp-tục hoạt động rất đều đặn và ráo-riết. Tuy số người thuyết-trình đông, nhưng vì đã chia thành 5 tiểu ban, lại mỗi người chỉ được phát-biên trong vòng 20 phút và 5 phút đề dành riêng cho sự chất-vấn mà thôi, vì thế

đến chiều ngày thứ ba của cuộc họp mặt thì số người thuyết-trình cũng vừa hết. Thật đáng khen cho sự tổ chức khéo-léo của ban tổ chức, nhất là vấn đề kỷ-luật, trật-tự từ ăn uống, nghỉ ngơi, cho đến cả các sự thuyết-trình, chất vấn, bàn cãi.

Đến 5 giờ rưỡi chiều ngày 7-7-57, sau khi làm lễ Ngài Hoàng-Pháp Đại-sư tại tổ đường xong, thì hội-nghị tuyên-bố bế-mạc. Mọi người ra về với niềm hoan-hỷ, khi nghĩ đến công-trình nghiên cứu của mình trong một năm qua sẽ được hội ăn hành thành sách báo để cống hiến cho Phật-giáo-dồ. Theo tôi những bài thuyết-trình ấy sẽ là những tài-liệu rất quý-giá cho những kẻ nghiên-cứu Phật-giáo sau này vậy.

Trên đường về tôi cũng được đi cùng một chuyến tàu với Bác-sĩ Phukui, vị Giáo sư chỉ-đạo cho tôi trên đường học-vấn, người khuyên tôi rằng : Năm này cố-gắng nghiên cứu thật nhiều, nhất là trau dồi tiếng Nhật thêm đề sang năm lên liền. đản thuyết-trình công-trình khảo cứu đề được lưu lại thành sách vở kỷ-niệm những năm còn lưu-học tại Nhật-Bản, và tôi cũng hy-vọng như thế.

Viết tại Đông-kinh mùa hè 1957

THÍCH THIÊN-ÂN

Hộp thơ

Có nhiều độc-giả chưa thanh toán tiền Liên Hoa năm này. Mong quý vị ấy lưu ý cho. Rất cảm ơn.

Liên-Hoa

Danh từ

Phật-Giáo

(Kinh A-Di-Đà)

ĐOAN-HẠNH trích dịch

Trong hàng Phật-tử chúng ta mỗi khi xem một bài giáo lý hay đọc một quyển kinh mà gặp phải một vài danh từ Phật-giáo chưa hiểu, rất dễ sanh chán nản. Đó là một trở ngại lớn cho sự học Phật.

Nhưng nói đến việc xuất bản bộ Từ-điển Phật-giáo lại là một vấn đề trọng đại và phức tạp. Hiện nay quý vị Giảng-sư trong Tổng-hội Phật-Giáo đối với vấn đề ấy vẫn còn trong giai đoạn nghiên-cứu.

Trong khi đang chờ đợi bộ Từ-điển Phật-giáo ra đời, và để giải quyết phần nào trở ngại trên cho các hàng Phật-tử thiết tha với sự tìm học Phật pháp, nên chúng tôi sẽ lần lược trích-dịch những danh-từ trong các bộ kinh mà quý Phật-tử thường tụng, trước hết là kinh A-Di-Đà. Nhưng những danh từ trong kinh A-Di-Đà cũng thường có ở các kinh sách báo chí Phật giáo hiện hành

L. T. S.

Phật thuyết. — Chữ «Phật thuyết» ở đây là chỉ đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni, là vị nói ra kinh này. Phần các kinh, ngay câu đầu, nếu đề chữ Phật tức là chỉ cho đức Thích-Ca cả. Vì Ngài hiện là Giáo-chủ cõi Ta-Bà này, các kinh giáo đều do kim khẩu Ngài nói ra để chỉ dạy đường lối tu hành cho chúng-sinh.

A-Di-Đà. — Tên của đức Phật Giáo-chủ cõi Cực-lạc. Tên này do công hạnh của Ngài và tịnh nghiệp của quốc-

Ngài mà đặt. A.Di-Đà tiếng Phạm là Amita dịch là vô lượng quang — hào quang sáng suốt vô cùng. Vô lượng thọ — sống lâu vô cùng. Vô lượng công đức — công đức vô lượng.

Kinh. — Kinh nói cho đủ là khế kinh. Có hai nghĩa : 1^o) Khế hiệp với chân lý vũ trụ. 2^o) Khế hiệp với căn cơ của chúng sinh. Kinh là do đức Phật nói ra, hoặc các vị Bồ-tát, tổ sư căn cứ lời Phật dạy mà diễn tả ra để giáo hóa chúng sanh đưa chúng sanh đến con đường giác ngộ và giải thoát.

Diêu Tần — Diêu : họ của vua, Tần : tên nước. Hiệp lại làm tên của một nước trong thời Nam Bắc Triều bên Trung-hoa.

Tam tạng pháp sư. — Danh hiệu người đời khen tặng ngài Cưu - Nam - La - Thập là một bậc thông đạt cả ba Tạng Kinh-Luật-Luận.

Cưu ma la thập. — Dịch là Đồng Thọ : còn nhỏ tuổi mà đã có đức lớn. Ngài là cháu ngoại vua nước Quy-tư. Bẩm tính rất thông minh, xuất gia từ lúc nhỏ, ngài thông hiểu cả ba tạng kinh điển, được biện tài vô ngại, người người đều kính phục. Ngài dịch kinh luật rất nhiều, văn chương rất lưu loát.

Như thị ngã văn. — Đầu các kinh Phật bao giờ cũng có bốn chữ này. Bốn chữ này dịch ra chữ Việt có nhiều bản khác nhau như : « đúng thực như thế, chính tôi được nghe » hay : « Tôi nghe như vậy »... những tựa-trung đều có nghĩa là một lời nói chân thật tin thuận của ngài Anan đã chính thân được nghe những lời của đức Phật nói ra thế nào, thì sau này, khi đức Phật nhập diệt rồi, trong đại hội kết tập kinh điển ngài thuật lại đúng in như thế, không một mảy may sai khác.

Lại nữa, đề chữ « Như thị » ở đầu các kinh của Phật nói ra còn có nghĩa sâu xa hơn. Trong kinh Pháp-Hoa, đức Phật đã giải thích tất cả vạn pháp đều không ra ngoài mười cái như thị : Tướng, Tính, Thể, Lực, Tác, Nhân, Duyên, Quả, Báo, và Bản mặt cứu kính. Nghĩa là chân thể của vạn pháp

là như-như-bất-động, cho nên tất cả pháp trong kinh Phật đức Phật dạy đều là « như-thị », không sai.

Xá-Vệ. — Là tiếng Ấn-Độ, dịch là Văn-vật, là tên kinh đô một nước lớn ở xứ Trung Ấn-độ, dưới quyền cai trị của vua Ba-tư-nặc.,

Kỳ thọ cấp-cô-độc viên. — Kỳ là kỳ-dà, là tiếng Ấn-độ, dịch là Chiến-Thắng, tên của Thái tử con vua Ba-tư-nặc. Cấp-cô-độc là tên một vị quan Đại-thần của nước ấy. Tiếng Ấn-độ là Tu-Đạt-Đa, dịch là Cấp-cô-độc, vì ông này hay nuôn dưỡng và cấp đỡ cho người độc thân, cô quả. Ông mua khu vườn của Thái tử Kỳ-Đà bằng giá lót vàng, khắp mặt đất đều làm tinh-xá cúng Phật và chúng tăng. Trước thành tâm của ông, Thái tử cảm động quá, còn một khoảnh đất chưa kịp lót vàng, Thái tử bảo thôi, xin đem một ít đất ấy và những cây cối trong vườn cúng Phật.

Vì vậy mà Tinh xá này, đức Phật thường đến thuyết pháp, được nói chung cả tên hai vị thí chủ : Kỳ thọ Cấp cô độc viên — cây của Thái tử Kỳ Đạ, vườn của ông Cấp-cô-độc.

Đại-tỳ - Kheo - Tăng : Những vị xuất-gia, đã thọ cụ túc giới (250 giới). Tỳ-kheo tiếng Ấn-độ là Bhiksu, có ba nghĩa

1) Khất-sỹ : một bình bát một ca sa xin cơm nuôi sắc thân ; cầu học giáo pháp của Phật để nuôi tuệ-mạng.

2) Phá ác : từng trí tuệ chân chính quán sát phá trừ mọi tật ác phiền-não.

3) Bố ma : ma sợ, đã thọ trì cụ túc giới, tu hành nghiêm tịnh, các loài ma trông thấy đều sợ hãi.

Thiên nhị bách ngũ thập nhơn câu : số lượng các vị đệ tử thường thường theo Phật đi các nơi Thuyết-pháp. Trong 1250 vị này thì ba anh em ngài Ca-Diếp và học trò củ các ngài có 1000 người. Ngài Xá-lợi-Phất và ngài Mục-kiền Liên cùng học trò có 200 người. Quyển thuộc của ông Đa-X có 50 người, cộng là 1250 người.

Đại A-la-Hán : A-la-Hán tiếng phạn gọi là Anhan, có ba nghĩa : 1) Ứng cúng : được hưởng sự cúng dường của c

người và cõi trời, đó là quả của Tỳ-kheo tu nhân khát sĩ. (2) Sát tặc : giết hết giặc phiền não, đó là quả của Tỳ-kheo tu nhân phá ác. 3) Vô-sinh : không còn bị sinh tử nữa. Đó là quả của Tỳ-kheo tu nhân Bồ ma. Gọi là đại A-la-Hán vì các vị này chính là bậc Bồ-tát Đại-sỹ, nhưng thị hiện ra tướng Thanh văn đến chứng thực cho phép tu Tịnh-độ là bất-khả-tư-nghị đó thôi. Lại A-la-Hán có ba bậc : 1) Tuệ giải thoát. 2) Câu giải thoát. Vô nghị giải thoát. Các vị này là bậc Vô-nghị giải thoát nên gọi là Đại A-la-Hán.

Chúng sở tri thức : Các vị Đại A-la-Hán này thường theo Phật di thuyết pháp, làm lợi ích khắp cõi Nhân-Thiên, là những bậc tri cơ thức thời, diu dắt cho trong chúng sanh, ai ai cũng biết đức nghe tên. Nên gọi chúng sở tri thức.

(Còn nữa)

Đính chính

Bài phóng sự Phật-Đàn năm 2501 đăng trong Liên-Hoa Văn-Tập số 5 Đình-Dậu, chúng tôi có chép lầm là một tin đồn ở số 8 (đường Hàm Nghi) đã làm một cái tháp đền đẹp cúng dường Đức Phật trong dịp này. Kỳ thật, công đức xây dựng tháp đền ấy là do toàn thể đạo hữu Phật-tử Vực Xuân-An chung sức làm ra, đề biêu-dương tinh-thần phụng sự chánh-pháp

Vậy chúng tôi xin trân trọng cải chính cùng quý vị độc giả và xin cáo lỗi về sự sơ-sốt rầy rối với quý vị Phật tử Vực-Xuân-An ; đồng thời xin thành tâm tán thán công đức của quý vị.

Kính cáo

Ban biên-tập Phật Đàn năm 2501 tại Thuận Hóa.

Chiêm Bái Phật Tích

tại **AN - ĐỘ**

THÍCH MINH CHÂU

(Tiếp theo)

« Phía đông của ngôi Chùa là một tảng đá dài, đức Phật thường hay đi bách bộ trên tấm ấy để dưỡng sức. Bên cạnh là một hòn đá rất to độ 14, 15 feet cao và độ 30 bước vòng tròn. Chính là chỗ Đè - Bà - Đạt - Đa xô đá đè hại đức Phật. Về phía Nam chỗ này, dưới là hang thâm, có một ngọn tháp. Tại chỗ này, khi đức Như-Lai còn tại thế, Ngài thuyết kinh Saddharma pundarika sutra (Diệu Pháp Liên Hoa Kinh). Phía Nam ngôi Chùa, gần phía sườn núi sâu thâm, có một nhà bằng đá. Chính tại chỗ này, khi đức Như-Lai còn tại thế, nhập thuyền định. (Chỗ này, là chỗ chúng tôi đến đánh lễ). Phía tây bắc nhà đá ấy, và trước mặt có một hòn đá rất lớn và kỳ lạ. Chính là chỗ đức A. Nan bị Ma vương đến dọa nạt. (Có đến nhưng không thấy lộ hồng, nói là đức Phật dùng thần thông đưa tay đến cứu Ngài A. Nan). Gần một bên ngôi chùa ấy, có nhiều nhà đá, đó là chỗ của Ngài Xá-lợi Phất cùng các vị Đại A-la-Hán khác nhập thuyền định. (Nay chỉ còn nền tường một phòng nhỏ, được xem là chỗ ở của Ngài Xá-lợi-Phất).

Phía đông bắc ngôi chùa, giữa một giòng suối chảy trên đá, có một tảng đá lớn. Đó là chỗ đức Như-Lai phơi áo cà-sa (Chúng tôi không tìm thấy suối nước nào cả xung quanh đó).

Gần một bên đó, trên một tảng đá, có dấu chân đức

Phật. Dầu hình « bánh xe » ở ngoài lu mờ rồi, nhưng vẫn có thể nhận được. (không tìm thấy).

Trên đỉnh giãy núi phía Bắc, có một ngọn tháp. Từ chỗ đó, đức Như-Lai nhìn thấy thành Ma-Kiệt-Dà và trong 7 ngày Ngài thuyết pháp.

Về phía Tây, do cửa thành phía Bắc, có một ngọn núi gọi là Vipula Giri. Theo tục truyền của dân làng, thì về phía Bắc của những hẻm núi về phía Tây Nam trước kia có đến 500 suối nước nóng. Nay chỉ còn độ mười suối. Vài suối ấm vài suối lạnh, nhưng không có suối nào nóng sôi. Tại cửa miệng các suối nước nóng, có đặt những tảng đá chạm hoặc hình sư tử, hoặc hình đầu voi trắng. Nhiều chỗ có đặt những ống dẫn nước, nước chảy trong các ống dẫn nước về phía trên, còn phía dưới có những hồ nước bằng đá, nước chảy vào như hồ tắm. Tại những hồ này, dân chúng khắp nơi đến để tắm. Những ai bị bệnh, sau khi tắm có thể lành bệnh. Phía mặt và phía trái của những suối nước nóng, có nhiều tháp hoặc ngôi chùa đồ nát, không cách nhau xa lắm. Tại những chỗ ấy, 4 đức Phật quá khứ đều đến ngồi hoặc đi bách bộ, và còn để lại những dấu tích tại những chỗ ấy. Những địa điểm này đều bao bọc bởi những giãy núi, và có đầy đủ nước dùng, nên những người có đức hạnh và sáng suốt đều đến ở tại chỗ đó, và có nhiều vị ẩn sĩ tu hành cũng sống tại chỗ này, sống trong cảnh thanh tịnh và vắng lặng.

Về phía tây các suối nước nóng là nhà đá Pippala... Trên đỉnh núi Vipula có một ngọn tháp. Đó là chỗ khi xưa đức Phật giảng lại chánh pháp. Hiện tại có nhiều ngoại đạo côi trần (Nigranthas) thường đến tại chỗ ấy rất đông. Chúng tu hành khổ hạnh ngày đêm không dừng nghỉ, và từ sáng đến chiều tối, đi vòng quanh (các ngọn tháp) và chiêm ngưỡng rất thành kính.

Phía tay trái quả thành phía Bắc, đi về phía đông, về phía bắc của vực núi phía Nam, đi bộ 2, 3 dặm, chúng tôi đến một nhà đá lớn, chính là chỗ xưa kia Đê-bà Đạt-Đa nhập thuyền định.

Từ cửa thành phía Bắc đi độ một dặm, chúng tôi đến chùa

Karandavenuvana tại đó, nay chỉ còn một nền đá và thành bằng gạch của một ngôi Chùa xưa.

Phía đông ngôi chùa Karandavenuvana là một ngọn tháp. Ngọn tháp này do Vua A-xà-Thế lập nên. Sau khi đức Như-Lai nhập Niết-Bàn các Vua chúa phân chia xá lợi Vua A-xà-Thế đem phần của mình về và dựng lên (ngọn tháp) để thờ kính và cúng dường chiêm bái. Khi vua A-Dục thành Phật tử, Ngài mở ngọn tháp ấy, lấy xá lợi và tự mình dựng một ngôi tháp khác. Ngôi tháp ấy luôn luôn tỏa ánh sáng rất kỳ diệu. Một bên ngọn tháp của Vua A-xà-Thế, có một ngọn tháp khác dựng xá lợi của nữ thân đức A-Nan.

Về phía Tây Nam Trúc-lâm tinh xá, độ 5, 6 dặm, về phía Nam, có một rừng Trúc. Giữa rừng trúc ấy, có một nhà d rất lớn. Tại đây, đại đức Ca-Điếp với 999 vị A-la-Hán, sau khi đức Phật nhập Niết-Bàn, triệu tập một hội nghị Kiết tập (để kiết tập) Tam Tạng.

Phía tây Bắc chỗ đức Ca-Điếp triệu tập hội nghị có một ngọn tháp. Đó là chỗ đức A-nan, sau khi bị các Đại-Đức khác không cho dự vào hội nghị đến ngồi tại chỗ ấy, ngồi một mình im lặng và chứng quả A-la-Hán. Sau đó, Ngài được mời dự Hội nghị.

Từ chỗ đó đi về phía Tây độ 20 dặm, có một ngọn tháp do vua A-Dục dựng lên, đó là chỗ mà Giáo-Hội Tăng-già họp để kiết tập kinh điển. Phía Bắc Trúc-lâm tinh xá, độ 200 bước chúng tôi đến hồ Karanda. Phía Tây Bắc hồ ấy, độ 2, 3 dặm có một ngọn tháp do vua A-Dục dựng lên. Ngọn tháp ấy độ 60 feet cao. Cầu một bên có một trụ đá, trên đó có khắc kỷ niệm về ngôi tháp. Độ 50 feet cao, và trên đỉnh có hình một con voi.

Về phía Đông Bắc trụ đá, không xa lắm, chúng tôi đến thành Vương-Xá. Bức thành ngoài đã bị phá hủy, không còn dấu tích gì. Bức thành trong, đều bị đổ nát, nhưng cao hơn đất bằng và độ 20 dặm vòng tròn.

Tục truyền Vua A-xà Thế trước tiên lập ngôi thành ở đây và vị Vua kế vị khi lên ngôi, cũng xem thành ấy là kinh độ mới cho đến đời vua A-Dục. Vua này dời kinh đô ra Pataliput

và cho hạng Bà-la-môn thành Vương-Xá này. Vì vậy không còn thấy dân chúng ở, chỉ có các nhà Bà-la-môn ước độ 1000 gia đình.

Tập Ký sử của hai Ngài Pháp-Hiến và Huyền-Trang tả rõ ràng những thánh tích còn ở thành Vương-Xá. Và số Bắc cô hiện tại cũng nương nhiều về hai tập ký sự trên để tìm lại những chỗ đã được tả một cách kỹ càng như vậy. Chỉ tiếc hiện nay, không còn, lại những ngọn tháp Ngài Huyền-Trang đã thuật thành cũng khó mà tìm ra tất cả những thánh tích được tả trong tập ký sự của hai Ngài. Chúng tôi về lại đền chùa Nhật-Bồn đã tối trời. Chúng tôi lại đến hồ tắm nước nóng của Hồi-giáo một lần nữa và càng tắm, càng thích tắm mãi. Tối đến, chúng tôi có đến dự một buổi họp tại một đền Ấn-độ giáo, thấy được lễ cung kính một bà Mẹ sống, cũng hơi kỳ lạ. Vì bài tường thuật quá dài, và cũng không thuộc về Phật giáo, nên tôi miễn tả ra đây. Chúng tôi về chùa Nhật-Bồn độ 8 giờ tối, đánh một giấc ngủ thật ngon lành, và cả ngày đi giữa nắng, và sáng mai ngày thứ hai mồng 7 tháng 11, chúng tôi đáp tàu hỏa đi Nalanda, chỗ Phật-học-Viện nổi tiếng nhất thời xưa.

Nalanda : Na-Lan-Đà

Chúng tôi từ Rajgir, đáp tàu hỏa đi Nalanda lúc 7 giờ rưỡi ngày thứ hai 7.11 và độ 8 giờ, chúng tôi đến Nalanda. Đến nơi, chúng tôi đến tại Nalanda Pali Phật-học-Viện, được gặp rất nhiều vị sư Thái-Lan, Cao-Miên, Tích-lan, nói chuyện rất vui vẻ. Độ 12 giờ, chúng tôi đi thăm Phật-học-Viện Nalanda.

Nalanda dầu không phải là một Thánh tích quan trọng bậc nhất cho hàng Phật-tử, sánh với Lumbini hay Sarnath, nhưng vì là chỗ của một Đại Học Đường lớn có tiếng nhất về Phật-giáo, nhất là Đại-Thừa Phật-giáo, nên chúng tôi rất sung sướng được đến chiêm bái Đại-Học Đường danh tiếng này. Trong kinh Mahaparinibbana, có nói đức Phật, lúc Ngài gần nhập Niết-Bà có ghé đến Na-Lan-Đà.

(Còn nữa)

TIN TỨC

Trong nước

Đại Hội - đồng

Đại hội thường niên của Tổng-hội Phật-giáo Toàn quốc họp tại chùa Ấn-Quang trụ sở Phật-giáo Trung-ương. Thời gian đại hội là 2 ngày 7-8 tháng 8 âm-lịch. Có đủ đại biểu các tập đoàn Phật-giáo chánh thức các Phần tham dự. Đại biểu Phật-giáo Trung phần là Đại-Đức Mật-Nguyễn. Đại-đức Trí-Quang và Ngài Hội-chủ Tổng-hội Phật-giáo Toàn quốc là Hòa-thượng Trường-Vân.

Phái đoàn hoằng pháp

Phái đoàn hoằng pháp của Hội Phật-giáo Việt-nam tại Trung-phần đã phân phối đi giảng dạy Phật pháp khắp các tỉnh Trung-nguyên Trung-phần, nay đã trở về đông đủ, tại Phật-học-Viện Nha-trang. Kỳ hoằng pháp này cũng gây được nhiều kết quả khả quan.

Hai trường học Tăng khai giảng

Phật học viện Nha-trang và chi nhánh Phật-học-viện tại Báo-quốc Huế, đã khai giảng vào ngày 15-8 âm lịch (8-9-1957) về niên khóa

mới. Học Tăng năm nay tăng hơn niên khóa trước.

Hai trường tư thực PH giáo Huế

Trường Tiểu học Tư-thực Hà-long Huế đã khai giảng niên khóa mới vào ngày 31-8-1957 số học sinh cũng tăng hơn niên khóa trước, trường ốc cũng vừa kỳ thiết thêm, trông rất mỹ-lệ.

Trường Trung-học Bồ-đề Huế cũng khai giảng vào ngày 31-8-1957. Niên khóa này trường thêm nhiều lớp, hiện tại số học sinh lên quá hai ngàn.

Khóa huấn luyện Trú-tri tại Nam - phần

Giáo hội Tăng-già tại Nam-phần vừa tổ chức lớp huấn luyện Trú-tri tại chùa Ấn-quang. Mục đích của khóa huấn luyện này là bồi túc phần lý, nghi-lễ .v.v. cho các Thầy phương tiện và duy nhất trong Trú-tri các Hội-quán Tỉnh-hội Phật học và các chùa địa phương ở Nam, đề hướng dẫn tín-đồ tu hành chánh pháp.

Có 50 thầy thuộc Giáo-hội Tăng-già miền Nam dự khóa học này, biệt là có nhiều Thầy tuổi ngoài

uần, đã từng làm Trú-trì nhiều năm, nhưng thấy mình còn khuyết điểm với nhiệm vụ « Trú-trì Tam-Bảo » nên đã hăng hái xin ghi tên vào lớp. Tinh thần tu học của quý Thầy ấy, thật đáng kính phục...

Thế Giới

Đài-Bắc — Pháp-Sur A-nan-Đa một vị Tỳ-kheo người Pháp, tháng 9 năm ngoái đến Đài-bắc cùng với Ngài Giáo-thọ Trưởng-Trùng-Cơ đi quanh đảo truyền giáo được công chúng hoan-nghinh, nay hết nhiệm kỳ đi trở về Hương-cảng.

Pháp-sư Diên - Bồi ở Phước-nghiêm tinh-xá. lâu nay ngoài việc dạy và viết sách thường giới thiệu những danh tác của Nhật-Bản, năm trước Ngài đã dịch và cho xuất bản quyền Đại-thừa Phật-giáo tư-tướng. Nay lại dịch xong quyền Tiểu-thừa Phật-giáo Tư-tướng sắp cho xuất bản, cả 2 quyền đều ông Mộc-khôn-Thái-Hiến là nhà Phật-học uyên thâm ở Nhật-bản trước tác. Vậy ai là người muốn nghiên-cứu Phật-giáo xin chớ bỏ qua

Nhật-Bản — Phật-giáo giới ở Nhật đương động-viên trên 200 học giả có danh tiếng ở các trường Đại học viện Nghiên-cứu, viện Bác-vật, đề bắt tay vào việc biên tập bộ Phật-Học-bách-khoa-toàn-thư, dài hàng vạn trang; một bộ sách trước thuật vĩ-dại bằng Anh-văn. Kế hoạch to tát này là do Hội-nghị Phật-giáo ở Tích-Lan nêu ra trong ngày chúc khánh Phật-dản 2500 năm; và do vị Tổng-lý

Tích-Lan yêu cầu nước Nhật-bản hiệp-tác để hoàn thành. Nước Nhật-bản nhận thấy ý nghĩa cao cả này có quan-hệ đến sự xúc tiến văn-hóa Phật-giáo cũng như văn-hóa thế giới, nên hoan hỷ tán thành giúp đỡ. Đề tiến thành kế hoạch này người ta đã trừ liệu một kinh-phí 20.000.000 đồng yên. Chánh-phủ Tích-Lan đài-thọ 5.000.000 yên; Nhật bỏ ngoại-vụ giúp 2000.000 yên; Bộ văn-hóa giúp 5.000.000 yên; còn thiếu 8.000.000 sẽ do Giáo-hội cò động quyên mộ. Các giới đều đặc hy-vọng vào công trình Phật-giáo xưa nay chưa từng có này.

Mỹ-Quốc — Đoàn truyền Đạo Phật-Giáo ở Bắc Mỹ, gần đây vì lẽ số nhân-viên không hiểu Anh-ngữ không đủ để phân phối đi các xứ nên đã thành lập tại kinh đô một sở nghiên cứu, chọn những sinh-viên ưu tú về Anh-ngữ cấp học bổng để học tập, sau này sẽ đi truyền giáo khắp nước Mỹ.

Trung Ương Á Châu — Tại Trung-ương Á-tế-Á vùng Sở-cốc, người ta đã đào ở gò A-khắc-bôi-tây-mẫu, một tòa chùa Phật lớn, kiến-túc từ thế kỷ thứ 7, 8. Trong ngôi chùa dưới đất này còn có tượng Phật, tượng Di-lặc, và cây bồ-đề khắc trên đá. Xét ở Trung ương Á - tế - á xưa nay chùa Phật đây là lần đầu tiên đi tích Phật-Giáo phát hiện, nên người ta có cảm tưởng là một việc lạ.

Ấn-độ — Tại tỉnh Bàng - bối gần đây đã dựng một ngôi chùa theo kiểu Nhật. Đây là ngôi chùa kiểu Nhật thứ ba, ngôi thứ 1 tại Gia-nhi-các-dáp, ngôi thứ 2 tại Lập-chỉ-cấp-nhi do vị Tỳ-kheo Nhật là Đẳng-tinh, 72 tuổi, chủ trì và nay lại chỉ đạo cho chùa Bàng-bối nữa. Ông Tinh-trưởng Bàng-bối đã nhận thấy rằng: Phật Giáo phát nguyên ở Ấn-độ, mà Phật Giáo trong xứ lại suy sút,

còn các nước trên thế-giới được Phật Giáo truyền bá đến thì lại càng ngày phát triển bùng bốt, nên ông đã hết sức đề xướng vấn-đề phục hưng Phật-Giáo ở Ấn-độ. Kế hoạch này các giới ở Nhật rất tán thành và đồng tình giúp đỡ, nay về sau sẽ làm thêm nhiều chùa nữa để làm đạo-tràng hoằng pháp. Người ta cảm thấy cảm-tình Nhật, Ấn sẽ do Phật Giáo mà tăng tiến hoài.

Hãy đọc và cổ động

LIÊN - HOA VĂN - TẬP

Xuất bản mỗi tháng một kỳ, vào ngày 15 à 1.

Mua lẻ tại Huế mỗi số 10\$, ngoài Huế 11\$.
mua dài hạn trả tiền trước nửa năm 55\$, trọn năm 110\$.

Tòa-soạn rất hy-vọng được nhiều độc-giả mua dài hạn trả tiền trước, để Liên-Hoa Văn-Tập — tiếng nói Phật giáo độc-nhất Trung-Việt đủ phương-tiền tiếp tục ra đời.